



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ASC**

*Báo cáo tài chính*

*cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015*

*đã được kiểm toán*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ASC**

Tầng 12 – Tháp Tây – Hancorp Plaza – 72 Trần Đăng Ninh – P. Dịch Vọng – Q. Cầu Giấy – Hà Nội

---

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	05-06
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	07 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 21

03052  
C  
TRÁCH  
DỊCH  
TÀI CH  
VÀ I  
NA  
1-1

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Kiểm Toán ASC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

### **Khái quát**

Công ty TNHH Kiểm Toán ASC là Công ty TNHH có hai thành viên trở lên. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102902085 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 09 năm 2008 và được sửa đổi bổ sung lần thứ 4 vào ngày 22 tháng 12 năm 2015.

Vốn điều lệ của Công ty là **6.000.000.000 đồng (Sáu tỷ đồng chẵn)**.

### **Trụ sở chính của công ty đặt tại**

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 12 – Tháp Tây – Hancorp Plaza – 72 Trần Đăng Ninh – P. Dịch Vọng – Q. Cầu Giấy – Hà Nội.

### **Chi nhánh của công ty**

- Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm Toán ASC tại Hà Nội, địa chỉ: Phòng 1802A – Tòa nhà Hà Thành Plaza – số 102 Thái Thịnh – Trung Liệt – Đống Đa – Hà Nội.
- Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm Toán ASC tại TP Hồ Chí Minh, địa chỉ: 94 Nguyễn Thị Thập, phường Tân Hưng, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Chi nhánh ECOPARK - Công ty TNHH Kiểm Toán ASC, địa chỉ: Đường Phà, Xã Xuân Quan, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

### **Ngành nghề kinh doanh**

#### **+ Dịch vụ kiểm toán:**

- Kiểm toán Báo cáo tài chính;
- Kiểm toán báo cáo tài chính vì mục đích thuế và dịch vụ quyết toán thuế;
- Kiểm toán hoạt động;
- Kiểm toán tuân thủ;
- Kiểm toán nội bộ;
- Kiểm toán Báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành (kể cả Báo cáo tài chính hàng năm);
- Kiểm toán Báo cáo quyết toán dự án;
- Kiểm toán thông tin tài chính;
- Kiểm tra thông tin tài chính trên cơ sở các thủ tục thỏa thuận trước.

#### **+ Tư vấn tài chính;**

#### **+ Tư vấn thuế;**

#### **+ Tư vấn nguồn nhân lực;**

#### **+ Tư vấn ứng dụng công nghệ thông tin;**

#### **+ Tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính)**

#### **+ Dịch vụ kế toán;**

#### **+ Dịch vụ định giá tài sản;**

#### **+ Dịch vụ bồi dưỡng, cập nhật kiến thức tài chính, kế toán, kiểm toán;**

#### **+ Đào tạo trong lĩnh vực tài chính, kế toán, kiểm toán (Doanh nghiệp chỉ hoạt động sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép);**

#### **+ Các dịch vụ liên quan khác về tài chính, kế toán, thuế theo quy định của pháp luật;**

#### **+ Dịch vụ soát xét báo cáo tài chính.**

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

### **Sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

### **Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám Đốc**

*Các thành viên của Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám Đốc trong năm 2015 và tại thời điểm lập báo cáo này như sau:*

#### **Hội đồng thành viên:**

Ông Lê Quang Đức	Chủ tịch Hội đồng thành viên
Bà Trần Thị Hạnh	Thành viên
Bà Lê Phương Anh	Thành viên
Ông Hoàng Văn Khoa	Thành viên

#### **Các thành viên Ban Tổng Giám đốc bao gồm:**

Ông Lê Quang Đức	Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Phương Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Văn Khoa	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Chi Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tạ Huy Đăng	Giám đốc chi nhánh tại Hà Nội
Ông Nguyễn Đức Thịnh	Giám đốc chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh
Ông Trịnh Quốc Huy	Giám đốc chi nhánh Ecopark

### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH DV TV TC Kế toán và Kiểm toán Nam Việt đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.

### **Công bố trách nhiệm của ban giám đốc với báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ASC**

Tầng 12 – Tháp Tây – Hancorp Plaza – 72 Trần Đăng Ninh – P. Dịch Vọng – Q. Cầu Giấy – Hà Nội

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



**Lê Quang Đức**

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2016





Số :229/BCKT/TC

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Hội đồng Thành viên và  
Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Kiểm Toán ASC**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty TNHH Kiểm Toán ASC được lập ngày 30 tháng 03 năm 2016, từ trang 07 đến trang 21, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Kiểm Toán ASC tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. HCM, ngày 04 tháng 04 năm 2016

## CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT



**Nguyễn Thị Lan**

*Giấy Chứng nhận ĐKHN kiểm toán  
Số 0167-2013-152-1*

Kiểm toán viên

**Cao Thị Hồng Nga**

*Giấy Chứng nhận ĐKHN kiểm toán  
Số 0613-2013-152-1*

3052  
C  
RÁCH N  
DỊCH  
ÀI CH  
VÀ K  
NAI  
/1-T

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>8.261.575.612</b>	<b>8.051.246.343</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>3.093.776.899</b>	<b>1.782.934.006</b>
1. Tiền	111	V.1	3.093.776.899	1.782.934.006
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>2.532.428.119</b>	<b>4.696.735.787</b>
1. Phải thu khách hàng	131		1.947.953.020	3.100.955.059
2. Trả trước cho người bán	132		-	-
3. Các khoản phải thu khác	135	V.2	700.632.009	1.711.937.638
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(116.156.910)	(116.156.910)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.635.370.594</b>	<b>1.571.576.550</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.3	2.635.370.594	1.571.576.550
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.910.360.386</b>	<b>1.845.759.294</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.684.836.124</b>	<b>1.743.907.633</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.4	1.684.836.124	1.743.907.633
- Nguyên giá	222		2.967.761.360	2.847.761.360
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.282.925.236)	(1.103.853.727)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>225.524.262</b>	<b>101.851.661</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.5	137.524.262	41.851.661
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		88.000.000	60.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>10.171.935.999</b>	<b>9.897.005.637</b>

1388  
KẾ TÍNH T  
KIỂM H  
VỤ T  
KH KẾ  
EM T  
A VI  
P. HỒ

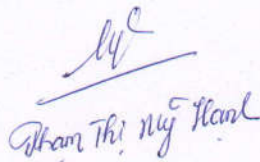


**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>3.919.544.049</b>	<b>3.745.669.305</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>3.668.845.518</b>	<b>3.606.354.862</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.6		830.000.000
2. Phải trả người bán	312		286.220.000	
3. Người mua trả tiền trước	313		202.476.000	320.590.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.7	292.391.209	322.207.768
5. Phải trả người lao động	315		863.315.103	600.927.064
6. Chi phí phải trả	316		1.313.169.482	1.144.087.460
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.8	114.039.100	19.700.000
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		597.234.624	368.842.570
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323			
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>250.698.531</b>	<b>139.314.443</b>
1. Dự phòng phải trả dài hạn	337		250.698.531	139.314.443
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>6.252.391.950</b>	<b>6.151.336.332</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.9	<b>6.252.391.950</b>	<b>6.151.336.332</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		6.000.000.000	6.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		252.391.950	151.336.332
<b>II. Nguồn kinh phí</b>	<b>430</b>			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>10.171.935.999</b>	<b>9.897.005.637</b>

Người lập biểu

  
Phạm Thị Mỹ Hằng

Kế toán trưởng

  
Lê Phương Anh

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2016

Tổng Giám đốc  
  
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ASC  
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
KIỂM TOÁN  
Lê Quang Đức  
Đ. Đ. CẦU GIẤY - T. P. HÀ NỘI

H.C.T.  
Y  
TU HẠN  
VẤN  
TOÁN  
HẠN  
T  
CHÍNH

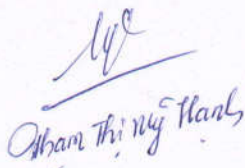
## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

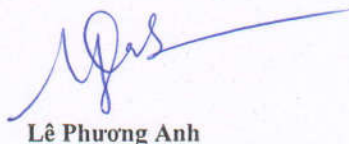
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		11.138.408.775	8.631.166.386
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	11.138.408.775	8.631.166.386
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	5.839.727.027	3.549.303.787
	20		5.298.681.748	5.081.862.599
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ				
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	6.302.353	10.126.192
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	58.240.000	75.078.889
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		58.240.000	75.078.889
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.038.423.758	4.855.315.243
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		208.320.343	161.594.659
11. Thu nhập khác	31	VI.5	18.618.480	
12. Chi phí khác	32	VI.6	83.138.604	
13. Lợi nhuận khác	40		(64.520.124)	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		143.800.219	161.594.659
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	42.744.601	32.318.932
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		101.055.618	129.275.727

Người lập biểu

  
Phạm Thị Mỹ Hằng

Kế toán trưởng

  
Lê Phương Anh

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2016



Tổng Giám đốc  
Lê Quang Đức


**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	143.800.219	161.594.659
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	179.071.509	621.995.085
- Các khoản dự phòng	03		-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(6.302.353)	(10.126.192)
- Chi phí lãi vay	06	58.240.000	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	374.809.375	773.463.552
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	2.162.603.624	(2.966.722.105)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	-	
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	996.556.223	2.292.899.375
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(95.672.601)	17.460.411
- Tiền lãi vay đã trả	13	(58.240.000)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(35.426.081)	(39.654.347)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		56.156.910
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.090.090.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.254.540.540	133.603.796
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(120.000.000)	(2.288.784.633)
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.302.353	10.126.192
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(113.697.647)	(2.278.658.441)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	3.000.000.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(830.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(830.000.000)	3.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	1.310.842.893	854.945.355
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.782.934.006	927.988.651
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	3.093.776.899	1.782.934.006

Người lập biểu

  
Phan Thi Mỹ Hạnh

Kế toán trưởng

  
Lê Phương Anh

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2016



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2015**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH Kiểm Toán ASC là Công ty TNHH có hai thành viên trở lên. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102902085 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 09 năm 2008 và được sửa đổi bổ sung lần thứ 4 vào ngày 22 tháng 12 năm 2015.

Vốn điều lệ của Công ty là 6.000.000.000 đồng (*Sáu tỷ đồng chẵn*).

#### **Trụ sở chính của công ty đặt tại**

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 12 – Tháp Tây – Hancorp Plaza – 72 Trần Đăng Ninh – P. Dịch Vọng – Q. Cầu Giấy – Hà Nội.

#### **Chi nhánh của công ty**

- Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm Toán ASC tại Hà Nội, địa chỉ: Phòng 1802A – Tòa nhà Hà Thành Plaza – số 102 Thái Thịnh – Trung Liệt – Đống Đa – Hà Nội.
- Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm Toán ASC tại TP Hồ Chí Minh, địa chỉ: 94 Nguyễn Thị Thập, phường Tân Hưng, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Chi nhánh ECOPARK - Công ty TNHH Kiểm Toán ASC, địa chỉ: Đường Phà, Xã Xuân Quan, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

#### **2. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh: Dịch vụ.**

#### **3. Ngành nghề kinh doanh:**

+ Dịch vụ kiểm toán:

- Kiểm toán Báo cáo tài chính;
- Kiểm toán báo cáo tài chính vì mục đích thuế và dịch vụ quyết toán thuế;
- Kiểm toán hoạt động;
- Kiểm toán tuân thủ;
- Kiểm toán nội bộ;
- Kiểm toán Báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành (kể cả Báo cáo tài chính hàng năm);
- Kiểm toán Báo cáo quyết toán dự án;
- Kiểm toán thông tin tài chính;
- Kiểm tra thông tin tài chính trên cơ sở các thủ tục thỏa thuận trước.

+ Tư vấn tài chính;

+ Tư vấn thuế;

+ Tư vấn nguồn nhân lực;

+ Tư vấn ứng dụng công nghệ thông tin;

3052  
CỔ  
PHÁCH NI  
DỊCH VỤ  
KIỂM TOÁN  
VÀ KI  
NAI  
T-T

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

- + Tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính)
- + Dịch vụ kế toán;
- + Dịch vụ định giá tài sản;
- + Dịch vụ bồi dưỡng, cập nhật kiến thức tài chính, kế toán, kiểm toán;
- + Đào tạo trong lĩnh vực tài chính, kế toán, kiểm toán (Doanh nghiệp chỉ hoạt động sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- + Các dịch vụ liên quan khác về tài chính, kế toán, thuế theo quy định của pháp luật;
- + Dịch vụ soát xét báo cáo tài chính.

## **II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Kỳ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi bổ sung.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Theo Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật. Tại thời điểm 31/12/2015 các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào tài khoản doanh thu tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3884  
VGT  
EM H  
U TU  
H KE  
EM TC  
I VI  
HO

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 2. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

**Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình:** Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 năm

### 3. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian 2 năm.

### 4. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### 5. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước và số lợi nhuận đã phân phối cho các chủ sở hữu.

### 6. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

**Doanh thu cung cấp dịch vụ** được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### **Doanh thu hoạt động tài chính:**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính ; - Chi phí cho vay hoặc đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động bao gồm Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

**9. Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

*Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

1. Tiền	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND			
- Tiền mặt	939.261.320	110.984.518			
- Tiền gửi ngân hàng	2.154.515.579	1.671.949.488			
<b>Cộng</b>	<b>3.093.776.899</b>	<b>1.782.934.006</b>			
2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND			
- Phải thu của người lao động	319.024.009	323.715.618			
- Phải thu khác	381.608.000	1.388.222.020			
<b>Cộng</b>	<b>700.632.009</b>	<b>1.711.937.638</b>			
3. Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND			
Thuế GTGT được khấu trừ	1.704.044				
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa					
Tạm ứng	2.633.666.550	1.571.576.550			
<b>Cộng</b>	<b>2.635.370.594</b>	<b>1.571.576.550</b>			
4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình					
	<b>Khoản mục</b>	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b>	<b>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</b>	<b>Thiết bị dụng cụ quản lý</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>					
<i>Số dư đầu năm</i>	1.877.162.097	970.599.263			2.847.761.360
- Mua trong năm				120.000.000	120.000.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành		-	-	-	-
- Tăng khác				-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	1.877.162.097	970.599.263		120.000.000	2.967.761.360
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<i>Số dư đầu năm</i>	313.173.333	790.680.394			1.103.853.727
- Khấu hao trong năm	93.858.108	82.324.512		2.888.889	179.071.509
- Tăng khác					-
<i>Số dư cuối năm</i>	407.031.441	873.004.906		2.888.889	1.282.925.236
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình</b>					
1. Tại ngày đầu năm	1.563.988.764	179.918.869		-	1.743.907.633
2. Tại ngày cuối năm	1.470.130.656	97.594.357		117.111.111	1.684.836.124





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**5. Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	137.524.262	41.851.661
<b>Cộng</b>	<b>137.524.262</b>	<b>41.851.661</b>

**6. Vay và nợ ngắn hạn**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Vay ngắn hạn cá nhân	-	830.000.000
<i>Tạ Huy Đăng</i>		310.000.000
<i>Trương Thị Minh Huệ</i>		355.000.000
<i>Đặng Đình Quyền</i>		165.000.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>830.000.000</b>

**7. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	251.765.520	192.325.869
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.157.707	14.839.187
- Thuế thu nhập cá nhân	18.467.981	115.042.712
<b>Cộng</b>	<b>292.391.209</b>	<b>322.207.768</b>

**8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- BHXH, BHYT	1.437.500	19.700.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	112.601.600	
<b>Cộng</b>	<b>114.039.100</b>	<b>19.700.000</b>

**9. Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối
- Số dư đầu năm trước	3.000.000.000	22.060.605
- Tăng vốn trong năm	3.000.000.000	
- Lợi nhuận tăng trong năm trước		129.275.727
- Chia cổ tức từ lợi nhuận		
- Số dư cuối năm trước	6.000.000.000	151.336.332
- Số dư đầu năm nay	6.000.000.000	151.336.332
- Tăng vốn trong năm		
- Lợi nhuận tăng trong năm		101.055.618
- Chia cổ tức		
- Số dư cuối năm nay	6.000.000.000	252.391.950

33052  
CỨ  
RÁCH  
DỊCH  
TÀI CH  
VÀ  
NA  
VI-7

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2015		01/01/2015	
	Vốn điều lệ	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Tỷ lệ (%)
Vốn góp của cá nhân	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	100%
Cộng	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	100%

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	11.138.408.775	8.631.166.386
Cộng	11.138.408.775	8.631.166.386

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	5.839.727.027	3.549.303.787
Cộng	5.839.727.027	3.549.303.787

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.302.353	10.126.192
Cộng	6.302.353	10.126.192

4. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Lãi tiền vay	58.240.000	75.078.889
Cộng	58.240.000	75.078.889

5. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Thu từ nhượng bán tài sản		
- Thu nhập khác	18.618.480	
Cộng	18.618.480	-

6. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn tài sản nhượng bán	-	
- Chi khác	83.138.604	
Cộng	83.138.604	-

1388.  
NG T  
HIỆM HI  
VỤ T  
NH KẾ  
EM T  
M VI  
P.HỒ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	143.800.219	161.594.659
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm LN kế toán để xác định LN chịu thuế TNDN:	69.922.786	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	69.922.786	-
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ		-
+ Chi phí phạt vi phạm hành chính	69.922.786	-
- Các khoản điều chỉnh giảm		-
Tổng thu nhập chịu thuế	213.723.005	161.594.659
Thuế suất thuế TNDN:	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	42.744.601	32.318.932

**8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	316.771.288	325.466.554
- Chi phí nhân công	8.162.554.135	6.223.703.166
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	179.071.509	621.995.085
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.126.370.554	518.647.854
- Chi phí khác bằng tiền	1.093.383.299	714.806.371
<b>Cộng</b>	<b>10.878.150.785</b>	<b>8.404.619.030</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2015	01/01/2015	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương tiền	3.093.776.899	1.782.934.006	3.093.776.899	1.782.934.006
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.648.585.029	4.812.892.697	2.648.585.029	4.812.892.697
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>5.742.361.928</b>	<b>6.595.826.703</b>	<b>5.742.361.928</b>	<b>6.595.826.703</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Các khoản vay	-	830.000.000	-	830.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	400.259.100	19.700.000	400.259.100	19.700.000
Chi phí phải trả	1.313.169.482	1.144.087.460	1.313.169.482	1.144.087.460
<b>Cộng</b>	<b>1.713.428.582</b>	<b>1.993.787.460</b>	<b>1.713.428.582</b>	<b>1.993.787.460</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác phản lớn xấp xỉ với giá trị ghi sổ do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 2. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản đảm bảo thế chấp cho đơn vị khác và nắm giữ tài sản đảm bảo của đơn vị khác vào ngày 31/12/2015 và vào ngày 01/01/2015.

### 3. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

#### Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

### 4. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.713.428.582</b>	-	<b>1.713.428.582</b>
Phải trả người bán	286.220.000	-	286.220.000
Phải trả khác	114.039.100	-	114.039.100
Chi phí phải trả	1.313.169.482	-	1.313.169.482
<b>Số đầu năm</b>	<b>1.993.787.460</b>	-	<b>1.993.787.460</b>
Các khoản vay	830.000.000	-	830.000.000
Phải trả người bán	-	-	-
Phải trả khác	19.700.000	-	19.700.000
Chi phí phải trả	1.144.087.460	-	1.144.087.460

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### 5. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ trọng yếu do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện chủ yếu bằng đơn vị tiền tệ là Đồng Việt Nam.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.


**Rủi ro về giá khác**

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

**6. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

Người lập biểu

  
Phạm Thị Mỹ Thanh

Kế toán trưởng

  
Lê Phương Anh

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2016

Tổng Giám đốc

  
Lê Quang Đức

3884-C.T.T.N.H.H  
CÔNG TY  
KIỂM HỮU HẠN  
DỊCH VỤ TƯ VẤN  
TÀI CHÍNH VÀ  
KẾ TOÁN  
NAM VIỆT  
HỒ CHÍ MINH